

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc;
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên các huyện.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo về công tác thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia năm 2019 và tuyển sinh đại học (ĐH); cao đẳng, trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên (CĐSP, TCSP) năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Sở GDĐT Quảng Ngãi hướng dẫn công tác thu nhận, bàn giao hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia và xét tuyển ĐH; CĐSP, TCSP năm 2019, cụ thể như sau:

I. Thu nhận hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia năm 2019

1. Quy định nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi (gọi là đơn vị ĐKDT)

1.1. Các đơn vị ĐKDT được quy định theo Phụ lục 1

1.2. Quy định thu hồ sơ ĐKDT

a) Các đơn vị ĐKDT thu hồ sơ ĐKDT của các thí sinh sau:

- Thí sinh đang học lớp 12 (năm học 2018-2019) thuộc đơn vị mình;
- Thí sinh tự do đã hoàn thành chương trình lớp 12 của đơn vị mình nhưng chưa tốt nghiệp THPT hoặc đã tốt nghiệp THPT từ năm 2018 trở về trước.

b) Sở GDĐT thu hồ sơ ĐKDT của các thí sinh tự do, cụ thể:

- Thí sinh là quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đang tại ngũ trong lực lượng Công an nhân dân được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH, cao đẳng (CĐ), trung cấp (TC);

- Thí sinh hoàn thành chương trình lớp 12 ở nước ngoài;

- Thí sinh vắng lai;

- Các trường hợp còn lại.

2. Nhân sự, cơ sở vật chất, thông tin tuyên truyền

2.1. Nhân sự, cơ sở vật chất

- Các đơn vị ĐKDT cử 3 cán bộ chịu trách nhiệm chính; gồm: 01 lãnh đạo đơn vị trực tiếp phụ trách công tác thi THPT quốc gia, 01 cán bộ trực tiếp thực hiện tất cả các công đoạn của công tác thi tại đơn vị, 01 cán bộ có trình độ chuyên môn

về tin học để sử dụng chương trình thi THPT quốc gia năm 2019 phục vụ cho công tác nhập hồ sơ và xử lý dữ liệu.

- Ngoài ra, căn cứ vào nội dung từng công việc và điều kiện thực tế của đơn vị, lãnh đạo đơn vị phân công thêm cán bộ, giáo viên tham gia ở một số công đoạn cần thiết.

- Các đơn vị ĐKDT cần chuẩn bị đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phục vụ tốt nhất cho công tác thi THPT quốc gia, như:

+ Bảng lớn để niêm yết các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT và Sở GDĐT, các thông tin liên quan đến kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 và xét tuyển vào các trường ĐH; CĐSP, TCSP năm 2019;

+ Máy vi tính, máy in để nhập dữ liệu và in danh sách thí sinh nộp hồ sơ ĐKDT và công tác xét tuyển vào ĐH; CĐSP, TCSP;

+ Văn phòng phẩm cần thiết phục vụ cho công tác thi THPT quốc gia và đăng ký xét tuyển sinh ĐH; CĐSP, TCSP.

2.2. Thông tin, tuyên truyền

- Các đơn vị cần phải tổ chức thông báo, hướng dẫn cho thí sinh biết và hiểu rõ Quy chế thi THPT quốc gia và Quy chế tuyển sinh ĐH; CĐSP, TCSP năm 2019; những nội dung chỉ đạo, hướng dẫn về kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh ĐH; CĐSP, TCSP của Bộ GDĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở GDĐT.

- Niêm yết đầy đủ tài liệu thi của Sở GDĐT đã tập hợp và gửi cho các đơn vị.

- Hướng dẫn thí sinh tìm hiểu thông tin tuyển sinh tại website của các trường ĐH; CĐSP, TCSP và trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tại địa chỉ <http://thituyensinh.vn>

3. Hồ sơ ĐKDT

3.1. Thu nhận, kiểm tra hồ sơ ĐKDT

- Cán bộ tuyển sinh cần nghiên cứu kỹ tất cả các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tài liệu liên quan đến kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh ĐH; CĐSP, TCSP năm 2019.

- Các đơn vị ĐKDT thực hiện thu: 02 Phiếu ĐKDT, bản photocopy 2 mặt Chứng minh nhân dân trên 1 mặt giấy A4, 02 ảnh 4x6 cm, một phong bì thư đã dán tem ghi rõ họ tên địa chỉ người nhận (đối với thí sinh tự do) để trong Túi đựng hồ sơ theo mẫu của Bộ GDĐT, bản photocopy giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có), các giấy tờ khác có liên quan (nếu có); nhập dữ liệu của thí sinh vào phần mềm quản lý thi (QLT). Sau khi đã nhập xong dữ liệu, cán bộ máy tính in thông tin ĐKDT của thí sinh từ phần mềm QLT, giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc cán bộ được phân công để tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận cá nhân.

- Kiểm tra kỹ nội dung tất cả các mục ghi bên ngoài túi đựng hồ sơ (là một phiếu ĐKDT), phiếu số 1 và phiếu số 2 phải đúng theo quy định và nội dung giữa các phiếu phải hoàn toàn giống nhau (không tẩy xóa).

Sau ngày 20/4/2019, thí sinh không được thay đổi điểm thi và các thông tin về bài thi/môn thi đã đăng ký.

*** Lưu ý hồ sơ để được hưởng ưu tiên theo đối tượng:**

- Bản photocopy Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên;

- Đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số, giấy chứng nhận để hưởng đối tượng ưu tiên 01 là bản photocopy giấy khai sinh trên đó ghi rõ dân tộc thuộc dân tộc thiểu số và hộ khẩu thường trú hoặc giấy tờ hợp pháp minh chứng thí sinh có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của Kỳ thi THPT Quốc gia) tại Khu vực 1 trong thời gian học THPT.

- Đối với thí sinh thuộc đối tượng người có công với cách mạng hoặc con của người có công với cách mạng: giấy chứng nhận để hưởng ưu tiên là bản photocopy quyết định trợ cấp, phụ cấp đối với người có công của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

3.2. Hướng dẫn ghi hồ sơ ĐKDT (Phụ lục 4 đính kèm)

Lưu ý:

- Thí sinh ghi đầy đủ số điện thoại, email của bản thân, gia đình hoặc người thân để Sở GDĐT có thể liên lạc nhanh với thí sinh khi cần thiết (**số điện thoại, email này không nên thay đổi trong thời gian thi, xét tuyển và nhập học**).

- Thí sinh có nguyện vọng đăng ký vào các ngành, các trường tổ chức tuyển sinh riêng, bên cạnh việc điền các nội dung trong phiếu ĐKDT, cần nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký xét tuyển theo yêu cầu của trường. Hồ sơ đăng ký xét tuyển được quy định trong đề án tự chủ tuyển sinh của trường (công bố trên trang thông tin điện tử của trường, của Bộ GDĐT).

3.3. Các yêu cầu đối với nội dung chung của hồ sơ ĐKDT:

- Hồ sơ ĐKDT của thí sinh đang học lớp 12 (năm học 2018-2019) phải có chữ ký, họ tên và đóng dấu của Hiệu trưởng nhà trường/Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX) tại phần quy định ở bên ngoài bì đựng phiếu ĐKDT.

- Hồ sơ ĐKDT của thí sinh tự do phải có chữ ký và đóng dấu của công an xã, phường, thị trấn nơi thí sinh đang cư trú tại phần quy định ở bên ngoài bì đựng phiếu ĐKDT.

- Thí sinh phải ký và ghi rõ họ tên ở phần quy định trong các phiếu ĐKDT.

- Cán bộ thu hồ sơ ĐKDT sau khi kiểm tra kỹ các nội dung của hồ sơ và các loại giấy tờ kèm theo phải ghi rõ ngày tháng năm nhận hồ sơ, ký tên, đóng dấu tại phần quy định trong phiếu ĐKDT số 2 và trả lại ngay cho thí sinh lưu giữ làm căn

cứ để Sở GDĐT, các trường ĐH, CĐ, TC giải quyết các trường hợp sai sót hoặc thất lạc về giấy báo thi, giấy báo điểm, giấy báo trúng tuyển,...

- Những thí sinh sau khi đã nộp hồ sơ ĐKDT, nhưng xin rút lại hồ sơ ĐKDT vì nhiều lý do, cán bộ tuyển sinh trả hồ sơ và **thu lại phiếu ĐKDT số 2 của hồ sơ đó** và lưu giữ theo quy định.

- Lãnh đạo, cán bộ tuyển sinh các đơn vị cần nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT để chỉ đạo, tổ chức thực hiện và hướng dẫn cho học sinh của đơn vị mình làm hồ sơ ĐKDT.

II. Quy định các loại danh sách, hồ sơ bàn giao về Sở GDĐT:

1. Danh sách kiểm dò hồ sơ ĐKDT có chữ ký xác nhận của từng thí sinh (bản photocopy);

2. Hồ sơ ĐKDT của thí sinh được **sắp xếp theo tên** của thí sinh trong Danh sách ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của **đơn vị ĐKDT**; gồm: Danh sách ĐKDT, túi hồ sơ ĐKDT gồm bản photocopy Chứng minh nhân dân, 2 ảnh 4x6 đựng trong bì ảnh, giấy tờ ưu tiên, phong bì có dán tem ghi địa chỉ người nhận (đối với thí sinh tự do).

Lưu ý: Sắp xếp Hồ sơ và Danh sách theo thứ tự: tên của thí sinh đang học lớp 12 (năm học 2018-2019); đến thí sinh tự do chưa tốt nghiệp; sau đó là thí sinh tự do chỉ đăng ký xét tuyển ĐH; CĐ, TC.

3. Đĩa CD có chứa file Danh sách.

4. Biên bản tự kiểm tra hoặc kiểm tra chéo của đơn vị ĐKDT (bản photocopy).

III. Thu lệ phí: (có công văn hướng dẫn sau).

IV. Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT (thí sinh chưa tốt nghiệp THPT):

- Bì đựng Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT (*theo mẫu*) chứa 01 phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp; học bạ; giấy khai sinh (bản sao); bằng tốt nghiệp THCS hoặc trung cấp (bản sao); các loại giấy tờ hợp lệ để hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có); các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

- Chậm nhất đến ngày 25/5/2019, các đơn vị ĐKDT hoàn thành việc thu Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT, nhập dữ liệu của thí sinh vào phần mềm QLT. Sau khi đã nhập xong dữ liệu, cán bộ máy tính in thông tin ĐKDT của thí sinh từ phần mềm QLT, giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc cán bộ được phân công để tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận cá nhân.

- Đơn vị ĐKDT chịu trách nhiệm bảo quản Phiếu ĐKDT số 1, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT, danh sách thí sinh ĐKDT để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, công tác xét công nhận tốt nghiệp và yêu cầu sửa chữa (nếu có).

V. Thời gian thực hiện nội dung công tác thu nhận, bàn giao hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia và xét tuyển vào ĐH, CĐ, TC nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2019:

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thi cho cán bộ làm công tác thi.	Sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT	Ngày 30/3/2019
2	Đăng ký dự thi, nhận Phiếu ĐKDT và nhập dữ liệu của thí sinh vào Phần mềm QLT.	Sở GDĐT, các đơn vị ĐKDT	Các đối tượng thí sinh; các đơn vị ĐKDT	Từ ngày 01/4 đến ngày 20/4/2019
3	In danh sách thí sinh ĐKDT theo tên của học sinh theo thứ tự a, b, c,... của, lớp, trường; thí sinh ký xác nhận thông tin ĐKDT trên danh sách.	Các đơn vị ĐKDT		Trước ngày 25/4/2019
4	Kiểm tra, kiểm tra chéo thông tin thí sinh	Sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT	Từ ngày 20/4-28/4/2019
5	Bàn giao danh sách và Phiếu ĐKDT cho Sở GDĐT.	Sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT	Từ ngày 02/5-04/5/2019
6	Kiểm tra Hồ sơ đăng ký dự thi của các thí sinh	Sở GDĐT	Các đơn vị ĐKDT	Từ ngày 05/5 - 24/5/2019
7	Thí sinh gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về Sở GDĐT	Thí sinh	Sở GDĐT	Trước ngày 20/5/2019
8	Nhận Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp, hồ sơ kèm theo và nhập dữ liệu của thí sinh vào Phần mềm QLT.	Các đơn vị ĐKDT	Sở GDĐT	Chậm nhất ngày 25/5/2019
9	Sở GDĐT gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đến các trường ĐH, CĐSP, TCSP	Sở GDĐT	Trường ĐH, CĐSP, TCSP	Trước ngày 01/6/2019
10	Các trường ĐH, CĐSP, TCSP tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Công thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các Sở GDĐT để thông báo cho thí sinh	Trường ĐH, CĐSP, TCSP	Thí sinh Sở GDĐT	Trước 17 giờ 00 ngày 18/7/2019
11	Thí sinh trúng tuyển thẳng gửi Hồ sơ và xác nhận nhập học tại các trường	Thí sinh	Trường ĐH, CĐSP, TCSP	Trước ngày 23/7/2019

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
12	Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT theo phương thức trực tuyến	Thí sinh, các đơn vị ĐKDT	Vụ GDDH Cục CNTT Sở GDĐT	Từ 22/7 đến 17 giờ 00 ngày 29/7/2019
13	Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng Phiếu ĐKXT	Thí sinh, các đơn vị ĐKDT	Vụ GDDH Cục CNTT Sở GDĐT	Từ 22/7 đến 17 giờ 00 ngày 31/7/2019
14	Thí sinh kiểm tra kết quả điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT và đề nghị điều chỉnh sai sót nếu có (chỉ áp dụng đối với thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phiếu)	Thí sinh	Các đơn vị ĐKDT	Trước 17 giờ 00 ngày 02/8/2019
15	Điểm thu nhận hồ sơ hoàn thành việc cập nhật thông tin về điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT của tất cả thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Sở GDĐT, các đơn vị ĐKDT	Thí sinh	Trước 17 giờ 00 ngày 03/8/2019

Đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc những nội dung của văn bản hướng dẫn này, phân công cán bộ thường xuyên theo dõi và nhận các thông tin của Sở GDĐT về công tác thi THPT quốc gia và xét tuyển sinh ĐH; CĐ, TC nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2019 qua hộp thư điện tử của đơn vị, gửi thông tin phản hồi về Sở GDĐT qua địa chỉ email: thithptquocgia2019@quangngai.edu.vn. Các khâu tiếp theo của kỳ thi, Sở GDĐT sẽ có văn bản hướng dẫn sau.

Trong quá trình thực hiện công tác thi THPT quốc gia và xét tuyển sinh ĐH; CĐ nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2019, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ ngay với Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục Trung học, điện thoại 0255.3824165/0905116868 hoặc Phòng Giáo dục Chuyên nghiệp - Thường xuyên, điện thoại: 0255.3824172/0914183579) để có hướng dẫn, giải đáp kịp thời. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- GD và các PGD Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Lưu: VT, GDCNTX(hvt28).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thái



**DANH SÁCH CÁC ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI (ĐƠN VỊ ĐKDT)
CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2019**

STT	Mã	Tên điểm tiếp nhận (Đơn vị ĐKDT)	Địa chỉ	Huyện	Ghi chú
1	000	Sở GDĐT	58 Hùng Vương	TP. Quảng Ngãi	
2	001	Trường THPT Trần Kỳ Phong	Xã Bình Nguyên	Huyện Bình Sơn	
3	002	Trường THPT Lê Quý Đôn	Xã Bình Trung	Huyện Bình Sơn	
4	003	Trường THPT Bình Sơn	TTr. Châu Ô	Huyện Bình Sơn	
5	004	Trường THPT Vạn Tường	Xã Bình Phú	Huyện Bình Sơn	
6	005	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Sơn	Xã Bình Long	Huyện Bình Sơn	
7	006	Trường THPT Ba Gia	Xã Tịnh Bắc	Huyện Sơn Tịnh	
8	007	Trường THPT Tư thực Trương Định	Xã Tịnh Bắc	Huyện Sơn Tịnh	
9	008	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Ph. Trương Q. Trọng	TP. Quảng Ngãi	
10	009	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Ph. Trương Q. Trọng	TP. Quảng Ngãi	
11	010	Trường THPT Sơn Mỹ	Xã Tịnh Khê	TP. Quảng Ngãi	
12	011	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	Ph. Nguyễn Nghiêm	TP. Quảng Ngãi	
13	012	Trường THPT Lê Trung Đình	Ph. Chánh Lộ	TP. Quảng Ngãi	
14	013	Trường THPT Chuyên Lê Khiết	Ph. Nghĩa Lộ	TP. Quảng Ngãi	



STT	Mã	Tên điểm tiếp nhận (Đơn vị ĐKDT)	Địa chỉ	Huyện	Ghi chú
15	014	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Ngãi	Ph. Quảng Phú	TP. Quảng Ngãi	
16	016	Trường THPT Tư thực Hoàng Văn Thụ	Ph. Nghĩa Lộ	TP. Quảng Ngãi	Nhận hồ sơ của thí sinh Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm
17	017	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tịnh	Ph. Trương Q. Trọng	TP. Quảng Ngãi	
18	018	Trung tâm DN-GDTX&HN tỉnh Quảng Ngãi	Ph. Chánh Lộ	TP. Quảng Ngãi	
19	019	Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa	TTr. La Hà	Huyện Tư Nghĩa	
20	020	Trường THPT Chu Văn An	TTr. La Hà	Huyện Tư Nghĩa	
21	021	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa	Xã Nghĩa Thuận	Huyện Tư Nghĩa	
22	022	Trường THPT Thu Xà	Xã Nghĩa Hoà	Huyện Trà Bồng	
23	023	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tư Nghĩa	TTr. La Hà	Huyện Tư Nghĩa	
24	024	Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành	TTr. Chợ Chùa	Huyện Nghĩa Hành	
25	025	Trường THPT Nguyễn Công Phương	TTr. Chợ Chùa	Huyện Nghĩa Hành	
26	026	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành	Xã Hành Thiện	Huyện Nghĩa Hành	
27	027	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nghĩa Hành	Xã Hành Đức	Huyện Nghĩa Hành	
28	028	Trường THPT Số 2 Mộ Đức	Xã Đức Nhuận	Huyện Mộ Đức	
29	029	Trường THPT Phạm Văn Đồng	TTr. Mộ Đức	Huyện Mộ Đức	
30	030	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Xã Đức Thạnh	Huyện Mộ Đức	
31	031	Trường THPT Trần Quang Diệu	Xã Đức Lân	Huyện Mộ Đức	

STT	Mã	Tên điểm tiếp nhận (Đơn vị ĐKDT)	Địa chỉ	Huyện	Ghi chú
32	032	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mộ Đức	TTr. Mộ Đức	Huyện Mộ Đức	
33	033	Trường THPT Số 1 Đức Phổ	Xã Phổ Ninh	Huyện Đức phổ	
34	034	Trường THPT Lương Thế Vinh	Xã Phổ Ninh	Huyện Đức phổ	
35	035	Trường THPT Số 2 Đức Phổ	Xã Phổ Khánh	Huyện Đức phổ	
36	036	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đức Phổ	TTr. Đức Phổ	Huyện Đức phổ	
37	037	Trường THPT Ba Tư	TTr. Ba Tư	Huyện Ba Tư	
38	038	Trường THPT Phạm Kiệt	Xã Ba Vì	Huyện Ba Tư	
39	039	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ba Tư	TTr. Ba Tư	Huyện Ba Tư	
40	040	Trường THPT Minh Long	Xã Long Hiệp	Huyện Minh Long	
41	041	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Minh Long	Xã Long Hiệp	Huyện Minh Long	
42	042	Trường THPT Quang Trung	Xã Sơn Thành	Huyện Sơn Hà	
43	043	Trường THPT Sơn Hà	TTr. Di Lăng	Huyện Sơn Hà	
44	044	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Xa Sơn Kỳ	Huyện Sơn Hà	
45	045	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Hà	TTr. Di Lăng	Huyện Sơn Hà	
46	046	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Xã Sơn Dung	Huyện Sơn Tây	Nhận hồ sơ của thí sinh Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tây
47	048	Trường THPT Trà Bồng	Xã Trà Sơn	Huyện Trà Bồng	
48	049	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trà Bồng	Xã Trà Thủy	Huyện Trà Bồng	

STT	Mã	Tên điểm tiếp nhận (Đơn vị ĐKDT)	Địa chỉ	Huyện	Ghi chú
49	050	Trường THPT Tây Trà	Xã Trà Phong	Huyện Tây Trà	
50	051	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tây Trà	Xã Trà Phong	Huyện Tây Trà	
51	052	Trường THPT Lý Sơn	Xã An Vĩnh	Huyện Lý Sơn	Nhận hồ sơ của thí sinh Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lý Sơn

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2019

STT	Mã trường	Tên trường	Điện thoại	Khu vực
1	800	Học ở nước ngoài_35	02553824172	Khu vực 2
2	900	Quân nhân, Công an tại ngũ_35	02553824172	Khu vực 2
3	001	Trường THPT Trần Kỳ Phong	02553850838	Khu vực 2 NT
4	002	Trường THPT Lê Quý Đôn	02553851024	Khu vực 2 NT
5	003	Trường THPT Bình Sơn	02553851226	Khu vực 2 NT
6	004	Trường THPT Vạn Tường	02553626900	Khu vực 2 NT
7	005	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Sơn	02553851417	Khu vực 2 NT
8	006	Trường THPT Ba Gia	02553699234	Khu vực 2 NT
9	007	Trường THPT Tư thực Trương Định	02556555899	Khu vực 2 NT
10	008	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	02553842737	Khu vực 2
11	009	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	02553841574	Khu vực 2
12	010	Trường THPT Sơn Mỹ	02553843224	Khu vực 2
13	011	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	02553827024	Khu vực 2
14	012	Trường THPT Lê Trung Đình	02553822627	Khu vực 2

STT	Mã trường	Tên trường	Điện thoại	Khu vực
15	013	Trường THPT chuyên Lê Khiết	02553715295	Khu vực 2
16	014	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Ngãi	02553812166	Khu vực 2
17	015	Trường THPT Tư thục Nguyễn Bình Khiêm	02553711304	Khu vực 2
18	016	Trường THPT Tư thục Hoàng Văn Thụ	02553827780	Khu vực 2
19	017	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tịnh	02553842243	Khu vực 2
20	018	Trung tâm DN-GDTX&HN tỉnh Quảng Ngãi	02553822627	Khu vực 2
21	019	Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa	02553910777	Khu vực 2 NT
22	020	Trường THPT Chu Văn An	02553845613	Khu vực 2 NT
23	021	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa	02553845330	Khu vực 2 NT
24	022	Trường THPT Thu Xà	02553910559	Khu vực 2 NT
25	023	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tư Nghĩa	02553845530	Khu vực 2 NT
26	024	Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành	02553861277	Khu vực 2 NT
27	025	Trường THPT Nguyễn Công Phương	02553861659	Khu vực 2 NT
28	026	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành	02553856251	Khu vực 1
29	027	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nghĩa Hành	02553861209	Khu vực 2 NT
30	028	Trường THPT Số 2 Mộ Đức	02553857256	Khu vực 2 NT
31	029	Trường THPT Phạm Văn Đồng	02553939115	Khu vực 2 NT
32	030	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	02553857700	Khu vực 2 NT

STT	Mã trường	Tên trường	Điện thoại	Khu vực
33	031	Trường THPT Trần Quang Diệu	02553855652	Khu vực 2 NT
34	032	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mộ Đức	02553214849	Khu vực 2 NT
35	033	Trường THPT Số 1 Đức Phổ	02553858252	Khu vực 2 NT
36	034	Trường THPT Lương Thế Vinh	02553859448	Khu vực 2 NT
37	035	Trường THPT Số 2 Đức Phổ	02553970098	Khu vực 1
38	036	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đức Phổ	02553859283	Khu vực 2 NT
39	037	Trường THPT Ba Tơ	02553863244	Khu vực 1
40	038	Trường THPT Phạm Kiệt	02553890290	Khu vực 1
41	039	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ba Tơ	02553863247	Khu vực 1
42	040	Trường THPT Minh Long	02553866195	Khu vực 1
43	041	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Minh Long	02553866249	Khu vực 1
44	042	Trường THPT Quang Trung	02553880683	Khu vực 1
45	043	Trường THPT Sơn Hà	02553864661	Khu vực 1
46	044	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	02553885008	Khu vực 1
47	045	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Hà	02553864268	Khu vực 1
48	046	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	02553868126	Khu vực 1
49	047	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tây	02553868144	Khu vực 1
50	048	Trường THPT Trà Bồng	02553865773	Khu vực 1

STT	Mã trường	Tên trường	Điện thoại	Khu vực
51	049	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trà Bồng	02553865240	Khu vực 1
52	050	Trường THPT Tây Trà	02553870146	Khu vực 1
53	051	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tây Trà	02553870393	Khu vực 1
54	052	Trường THPT Lý Sơn	02553867530	Khu vực 1
55	053	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lý Sơn	02553867531	Khu vực 1
56	054	Trường THPT Võ Nguyên Giáp (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)	02553842737	Khu vực 2 NT
57	055	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)	02553841574	Khu vực 2 NT
58	056	Trường THPT Sơn Mỹ (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)	02553843224	Khu vực 2 NT
59	057	Trung tâm DN-GDTX&HN huyện Sơn Tịnh (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)	02553842243	Khu vực 2 NT
60	058	Trường THPT số 2 Đức Phổ (Trước 25/01/2017)	02553970098	Khu vực 2 NT
61	060	Trường CDN Kỹ thuật - Công nghệ Dung Quất (Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất)	02553616789	Khu vực 1
62	061	Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi (Trung cấp Kỹ thuật Quảng Ngãi)	02553673871	Khu vực 2
63	062	Trường TCN Kinh tế - Công nghệ Dung Quất (Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Dung Quất)	02553211134	Khu vực 2
64	063	Trường Cao đẳng nghề Cơ giới (Cao đẳng Cơ giới)	02553823790	Khu vực 2 NT
65	064	Trường Trung cấp nghề Đức Phổ	02553976358	Khu vực 2 NT
66	065	Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi (TN từ năm 2015 trở về trước)	02553673871	Khu vực 2 NT

STT	Mã trường	Tên trường	Điện thoại	Khu vực
67	066	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	02553718143	Khu vực 2
68	068	Trường Cao đẳng Quảng Ngãi (Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghiệp Quảng Ngãi)	02552217077	Khu vực 2
69	069	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	02553822904	Khu vực 2
70	801	Trường THPT - Khu vực 1		Khu vực 1
71	802	Trường THPT - Khu vực 2NT		Khu vực 2 NT
72	803	Trường THPT - Khu vực 2		Khu vực 2
73	804	Trường THPT - Khu vực 3		Khu vực 3

DANH SÁCH CÁC XÃ KHÓ KHĂN/ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2019

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định
1	01	Huyện Bình Sơn	01	Xã Bình An	ĐBKK	582/QĐ-TTg
2	01	Huyện Bình Sơn	02	Xã Bình Chánh	ĐBKK	131/QĐ-TTg
3	01	Huyện Bình Sơn	03	Xã Bình Châu	ĐBKK	131/QĐ-TTg
4	01	Huyện Bình Sơn	04	Xã Bình Đông	ĐBKK	131/QĐ-TTg
5	01	Huyện Bình Sơn	05	Xã Bình Hải	ĐBKK	131/QĐ-TTg
6	01	Huyện Bình Sơn	06	Xã Bình Khương	Khó khăn	582/QĐ-TTg
7	01	Huyện Bình Sơn	07	Xã Bình Thạnh	ĐBKK	131/QĐ-TTg
8	01	Huyện Bình Sơn	08	Xã Bình Trị (trước 25/01/2017)	ĐBKK	539/QĐ-TTg
9	01	Huyện Bình Sơn	09	Bình Thuận	ĐBKK	131/QĐ-TTg
10	02	Huyện Sơn Tịnh	01	Xã Tịnh Đông	ĐBKK	582/QĐ-TTg
11	02	Huyện Sơn Tịnh	02	Xã Tịnh Giang (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND
12	02	Huyện Sơn Tịnh	03	Xã Tịnh Hiệp (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND
13	02	Huyện Sơn Tịnh	04	Xã Tịnh Giang (từ 28/4/2017)	Khó khăn	582/QĐ-TTg
14	02	Huyện Sơn Tịnh	05	Xã Tịnh Hiệp (từ 28/4/2017)	Khó khăn	582/QĐ-TTg

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định
15	03	Thành phố Quảng Ngãi	01	Xã Tịnh Hòa (trước 25/01/2017)	ĐBKK	539/QĐ-TTg
16	03	Thành phố Quảng Ngãi	02	Xã Tịnh Kỳ	ĐBKK	131/QĐ-TTg
17	04	Huyện Tư Nghĩa	01	Xã Nghĩa Lâm	Khó khăn	582/QĐ-TTg
18	04	Huyện Tư Nghĩa	02	Xã Nghĩa Sơn	Khó khăn	582/QĐ-TTg
19	04	Huyện Tư Nghĩa	03	Xã Nghĩa Thọ	ĐBKK	582/QĐ-TTg
20	05	Huyện Nghĩa Hành	01	Xã Hành Dũng	Khó khăn	582/QĐ-TTg
21	05	Huyện Nghĩa Hành	02	Xã Hành Nhân	Khó khăn	582/QĐ-TTg
22	05	Huyện Nghĩa Hành	03	Xã Hành Thiện	Khó khăn	582/QĐ-TTg
23	05	Huyện Nghĩa Hành	04	Xã Hành Tín Đông	ĐBKK	582/QĐ-TTg
24	05	Huyện Nghĩa Hành	05	Xã Hành Tín Tây	ĐBKK	582/QĐ-TTg
25	06	Huyện Mộ Đức	01	Xã Đức Chánh	ĐBKK	131/QĐ-TTg
26	06	Huyện Mộ Đức	02	Xã Đức Lợi	ĐBKK	131/QĐ-TTg
27	06	Huyện Mộ Đức	03	Xã Đức Minh	ĐBKK	131/QĐ-TTg
28	06	Huyện Mộ Đức	04	Xã Đức Phong	ĐBKK	131/QĐ-TTg
29	06	Huyện Mộ Đức	05	Xã Đức Phú	Khó khăn	582/QĐ-TTg
30	06	Huyện Mộ Đức	06	Xã Đức Thắng	ĐBKK	131/QĐ-TTg
31	07	Huyện Đức Phổ	01	Xã Phổ An (đến 31/12/2018)	ĐBKK	596/QĐ-TTg
32	07	Huyện Đức Phổ	02	Xã Phổ Châu	ĐBKK	131/QĐ-TTg

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định
33	07	Huyện Đức phở	03	Xã Phở Nhon (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND
34	07	Huyện Đức phở	04	Xã Phở Phong (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND
35	07	Huyện Đức phở	05	Xã Phở Quang	ĐBKK	131/QĐ-TTg
36	07	Huyện Đức phở	06	Xã Phở Thạnh (trước 25/01/2017)	ĐBKK	539/QĐ-TTg
37	07	Huyện Đức phở	07	Xã Phở Vinh (trước 25/01/2017)	ĐBKK	539/QĐ-TTg
38	07	Huyện Đức phở	08	Phở Khánh	ĐBKK	131/QĐ-TTg
39	07	Huyện Đức phở	09	Xã Phở Nhon (từ 28/4/2017)	Khó khăn	582/QĐ-TTg
40	07	Huyện Đức phở	10	Xã Phở Phong (từ 28/4/2017)	Khó khăn	582/QĐ-TTg
41	08	Huyện Ba Tơ	01	Thị trấn Ba Tơ	ĐBKK	582/QĐ-TTg
42	08	Huyện Ba Tơ	02	Xã Ba Bích	ĐBKK	582/QĐ-TTg
43	08	Huyện Ba Tơ	03	Xã Ba Chùa	ĐBKK	582/QĐ-TTg
44	08	Huyện Ba Tơ	04	Xã Ba Cung (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND
45	08	Huyện Ba Tơ	05	Xã Ba Dinh	ĐBKK	582/QĐ-TTg
46	08	Huyện Ba Tơ	06	Xã Ba Điền (trước 28/4/2017)	ĐBKK	447/QĐ-UBND
47	08	Huyện Ba Tơ	07	Xã Ba Động	ĐBKK	447/QĐ-UBND
48	08	Huyện Ba Tơ	08	Xã Ba Giang	ĐBKK	582/QĐ-TTg
49	08	Huyện Ba Tơ	09	Xã Ba Khâm	ĐBKK	582/QĐ-TTg
50	08	Huyện Ba Tơ	10	Xã Ba Lễ	ĐBKK	582/QĐ-TTg

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định
51	08	Huyện Ba Tơ	11	Xã Ba Liên	ĐBKK	582/QĐ-TTg
52	08	Huyện Ba Tơ	12	Xã Ba Nam	ĐBKK	582/QĐ-TTg
53	08	Huyện Ba Tơ	13	Xã Ba Ngạc	ĐBKK	582/QĐ-TTg
54	08	Huyện Ba Tơ	14	Xã Ba Thành	ĐBKK	582/QĐ-TTg
55	08	Huyện Ba Tơ	15	Xã Ba Tiêu	ĐBKK	582/QĐ-TTg
56	08	Huyện Ba Tơ	16	Xã Ba Tô	ĐBKK	582/QĐ-TTg
57	08	Huyện Ba Tơ	17	Xã Ba Trang	ĐBKK	582/QĐ-TTg
58	08	Huyện Ba Tơ	18	Xã Ba Vi	ĐBKK	582/QĐ-TTg
59	08	Huyện Ba Tơ	19	Xã Ba Vinh	ĐBKK	582/QĐ-TTg
60	08	Huyện Ba Tơ	20	Xã Ba Xa	ĐBKK	582/QĐ-TTg
61	08	Huyện Ba Tơ	21	Xã Ba Cung (từ 28/4/2017)	Khó khăn	582/QĐ-TTg
62	08	Huyện Ba Tơ	22	Xã Ba Điền (từ 28/4/2017)	Khó khăn	582/QĐ-TTg
63	09	Huyện Minh Long	01	Xã Long Hiệp	ĐBKK	582/QĐ-TTg
64	09	Huyện Minh Long	02	Xã Long Mai	ĐBKK	582/QĐ-TTg
65	09	Huyện Minh Long	03	Xã Long Môn	ĐBKK	582/QĐ-TTg
66	09	Huyện Minh Long	04	Xã Long Sơn	ĐBKK	582/QĐ-TTg
67	09	Huyện Minh Long	05	Xã Thanh An	ĐBKK	582/QĐ-TTg
68	10	Huyện Sơn Hà	01	Thị trấn Di Lăng	ĐBKK	582/QĐ-TTg

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định
69	10	Huyện Sơn Hà	02	Xã Sơn Ba	ĐBKK	582/QĐ-TTg
70	10	Huyện Sơn Hà	03	Xã Sơn Bao	ĐBKK	582/QĐ-TTg
71	10	Huyện Sơn Hà	04	Xã Sơn Cao	ĐBKK	582/QĐ-TTg
72	10	Huyện Sơn Hà	05	Xã Sơn Giang	ĐBKK	582/QĐ-TTg
73	10	Huyện Sơn Hà	06	Xã Sơn Hạ	ĐBKK	582/QĐ-TTg
74	10	Huyện Sơn Hà	07	Xã Sơn Hải	ĐBKK	582/QĐ-TTg
75	10	Huyện Sơn Hà	08	Xã Sơn Kỳ	ĐBKK	582/QĐ-TTg
76	10	Huyện Sơn Hà	09	Xã Sơn Linh	ĐBKK	582/QĐ-TTg
77	10	Huyện Sơn Hà	10	Xã Sơn Nham	ĐBKK	582/QĐ-TTg
78	10	Huyện Sơn Hà	11	Xã Sơn Thành	ĐBKK	582/QĐ-TTg
79	10	Huyện Sơn Hà	12	Xã Sơn Thượng	ĐBKK	582/QĐ-TTg
80	10	Huyện Sơn Hà	13	Xã Sơn Thủy	ĐBKK	582/QĐ-TTg
81	10	Huyện Sơn Hà	14	Xã Sơn Trung	ĐBKK	582/QĐ-TTg
82	11	Huyện Sơn Tây	01	Xã Sơn Bua	ĐBKK	582/QĐ-TTg
83	11	Huyện Sơn Tây	02	Xã Sơn Dung	ĐBKK	582/QĐ-TTg
84	11	Huyện Sơn Tây	03	Xã Sơn Lập	ĐBKK	582/QĐ-TTg
85	11	Huyện Sơn Tây	04	Xã Sơn Liên	ĐBKK	582/QĐ-TTg
86	11	Huyện Sơn Tây	05	Xã Sơn Long	ĐBKK	582/QĐ-TTg

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định
87	11	Huyện Sơn Tây	06	Xã Sơn Màu	ĐBKK	582/QĐ-TTg
88	11	Huyện Sơn Tây	07	Xã Sơn Mùa	ĐBKK	582/QĐ-TTg
89	11	Huyện Sơn Tây	08	Xã Sơn Tân	ĐBKK	582/QĐ-TTg
90	11	Huyện Sơn Tây	09	Xã Sơn Tinh	ĐBKK	582/QĐ-TTg
91	12	Huyện Trà Bồng	01	Thị trấn Trà Xuân	ĐBKK	582/QĐ-TTg
92	12	Huyện Trà Bồng	02	Xã Trà Bình	ĐBKK	582/QĐ-TTg
93	12	Huyện Trà Bồng	03	Xã Trà Bùi	ĐBKK	582/QĐ-TTg
94	12	Huyện Trà Bồng	04	Xã Trà Giang	ĐBKK	582/QĐ-TTg
95	12	Huyện Trà Bồng	05	Xã Trà Hiệp	ĐBKK	582/QĐ-TTg
96	12	Huyện Trà Bồng	06	Xã Trà Lâm	ĐBKK	582/QĐ-TTg
97	12	Huyện Trà Bồng	07	Xã Trà Phú	ĐBKK	582/QĐ-TTg
98	12	Huyện Trà Bồng	08	Xã Trà Sơn	ĐBKK	582/QĐ-TTg
99	12	Huyện Trà Bồng	09	Xã Trà Tân	ĐBKK	582/QĐ-TTg
100	12	Huyện Trà Bồng	10	Xã Trà Thủy	ĐBKK	582/QĐ-TTg
101	13	Huyện Tây Trà	01	Xã Trà Khê	ĐBKK	582/QĐ-TTg
102	13	Huyện Tây Trà	02	Xã Trà Lãnh	ĐBKK	582/QĐ-TTg
103	13	Huyện Tây Trà	03	Xã Trà Nham	ĐBKK	582/QĐ-TTg
104	13	Huyện Tây Trà	04	Xã Trà Phong	ĐBKK	582/QĐ-TTg

STT	Mã huyện	Tên huyện	Mã xã	Tên xã	Loại xã	Văn bản quy định
105	13	Huyện Tây Trà	05	Xã Trà Quán	ĐBKK	582/QĐ-TTg
106	13	Huyện Tây Trà	06	Xã Trà Thanh	ĐBKK	582/QĐ-TTg
107	13	Huyện Tây Trà	07	Xã Trà Thọ	ĐBKK	582/QĐ-TTg
108	13	Huyện Tây Trà	08	Xã Trà Trung	ĐBKK	582/QĐ-TTg
109	13	Huyện Tây Trà	09	Xã Trà Xinh	ĐBKK	582/QĐ-TTg
110	14	Huyện Lý Sơn	01	Xã An Bình	ĐBKK	131/QĐ-TTg
111	14	Huyện Lý Sơn	02	Xã An Hải	ĐBKK	131/QĐ-TTg
112	14	Huyện Lý Sơn	03	Xã An Vĩnh	ĐBKK	131/QĐ-TTg

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU
ĐĂNG KÝ DỰ THI THPT QUỐC GIA VÀ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC⁽¹⁾;
CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP⁽²⁾

Mục SỞ GD&ĐT QUẢNG NGÃI, MÃ SỞ: 35 (đã in sẵn)

Mục Số phiếu: Nơi tiếp nhận đăng ký dự thi ghi, thí sinh không ghi mục này.

Mục 1, 2: Ghi theo hướng dẫn trên Phiếu đăng ký dự thi THPT quốc gia và xét tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung cấp (sau đây gọi tắt là Phiếu ĐKDT).

Mục 3: a) Nơi sinh của thí sinh chỉ cần ghi rõ tên tỉnh hoặc thành phố, nếu sinh ở nước ngoài thí sinh chỉ cần ghi rõ tên quốc gia (theo tiếng Việt Nam). **b) Dân tộc** ghi đúng theo giấy khai sinh.

Mục 4: Đối với Chứng minh nhân dân mẫu cũ, ghi 9 chữ số vào 9 ô cuối bên phải, ba ô đầu để trống; đối với Chứng minh nhân dân mẫu mới hoặc Thẻ căn cước công dân, ghi đủ 12 chữ số vào các ô tương ứng.

Mục 5: Mã tỉnh (thành phố), mã huyện (quận) và mã xã (phường) chỉ đối với các xã (phường) thuộc Khu vực 1 sẽ do Bộ GD&ĐT quy định. Thí sinh cần tra cứu tại nơi đăng ký dự thi để ghi đúng mã tỉnh (thành phố), mã huyện (quận), mã xã (phường) nơi thí sinh có hộ khẩu thường trú hiện tại vào các ô tương ứng ở bên phải. Thí sinh không có hộ khẩu thường trú tại xã Khu vực 1 thì bỏ trống ô mã xã. Sau khi điền đủ các mã đơn vị hành chính vào các ô, thí sinh ghi rõ tên xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố) vào dòng trống. Đối với thí sinh thuộc diện ưu tiên đối tượng hoặc khu vực có liên quan đến hộ khẩu thường trú, đề nghị phải khẳng định thời gian có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1 hoặc trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn trong thời gian học THPT bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

Mục 6: Ghi tên trường và địa chỉ đến huyện (quận), tỉnh (thành phố) của trường vào dòng kẻ chấm. Ghi mã tỉnh nơi trường đóng vào 2 ô đầu, ghi mã trường vào 3 ô tiếp theo (mã trường ghi theo quy định của Sở GD&ĐT, nếu mã trường có 1 chữ số thì 2 ô đầu tiên ghi số 0, nếu mã trường có 2 chữ số thì ô đầu tiên ghi số 0). Đối với thí sinh là công an, quân nhân được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH, CĐ, TC thì ghi mã tỉnh tương ứng với tỉnh nơi đóng quân và mã trường THPT là 900. Đối với thí sinh có thời gian học ở nước ngoài thì những năm học ở nước ngoài ghi mã tỉnh tương ứng với tỉnh theo hộ khẩu thường trú tại Việt Nam và mã trường THPT là 800. Mục tên lớp: ghi rõ tên lớp 12 nơi học sinh đang học (ví dụ 12A1, 12A2,...), đối với học sinh là thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT ghi "TD", đối với thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT ghi "TDO".

Ghi chú: (1) "Đại học" để đăng ký vào các ngành đào tạo trình độ đại học;

(2) "Cao đẳng, trung cấp" để đăng ký vào các ngành đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên.

Mục 7: Ghi rõ điện thoại, email. Đối với thí sinh có yêu cầu điều chỉnh đăng ký xét tuyển tuyển sinh trực tuyến, cần đăng ký số điện thoại di động cá nhân (của mình) để được cấp mật khẩu sử dụng một lần (OTP) qua tin nhắn đảm bảo cho sự bảo mật khi đăng ký xét tuyển trực tuyến.

Mục 8: Thí sinh phải ghi rõ họ tên người liên hệ, địa chỉ chi tiết: xóm (số nhà), thôn (đường phố, ngõ ngách), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố). Địa chỉ này đồng thời là địa chỉ nhận Giấy báo trúng tuyển nếu thí sinh trúng tuyển.

Mục 9: Thí sinh có nguyện vọng lấy kết quả dự thi để xét tuyển sinh đại học; cao đẳng, trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên thì đánh dấu (X) vào ô bên cạnh

Mục 10: Thí sinh bắt buộc phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để biểu thị rõ thí sinh học theo chương trình THPT hay chương trình GDTX.

Mục 11: Đối với thí sinh tự do phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để phân biệt rõ là thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT hay đã tốt nghiệp THPT (tính đến thời điểm dự thi).

Mục 12: Thí sinh đăng ký dự thi tại cụm thi nào thì ghi tên cụm thi và mã cụm thi do Bộ GDĐT quy định vào vị trí tương ứng.

Mục 13: Học sinh đang học lớp 12 THPT tại trường nào thì nộp ĐKDT tại trường đó. Các đối tượng khác nộp ĐKDT tại các địa điểm do Sở GDĐT quy định. Mã đơn vị ĐKDT ghi theo hướng dẫn của nơi nhận ĐKDT.

Mục 14: Đối với thí sinh hiện đang là học sinh lớp 12 (chưa tốt nghiệp THPT) phải đăng ký bài thi tại điểm a, thí sinh không được phép chọn các môn thi thành phần ở điểm b. Đối với thí sinh tự do, tùy theo mục đích dự thi, tùy theo việc lựa chọn tổ hợp môn xét tuyển đại học, cao đẳng, trung cấp có thể chọn cả bài thi (tại điểm a) hoặc chỉ chọn một số môn thành phần (tại điểm b) cho phù hợp. Trường hợp thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT có những bài thi/môn thi (để xét công nhận tốt nghiệp) năm trước đủ điều kiện bảo lưu, nếu muốn bảo lưu bài thi/môn thi nào thì phải ghi điểm bài thi/môn thi đó ở **Mục 16**. Tuy nhiên, thí sinh vẫn có thể chọn thi bài thi/môn thi thành phần (đã xin bảo lưu) để lấy kết quả xét tuyển sinh đại học, cao đẳng, trung cấp. Đối với thí sinh học theo chương trình GDTX có thể chọn bài thi ngoại ngữ nếu có nguyện vọng sử dụng môn ngoại ngữ trong tổ hợp môn xét tuyển sinh đại học, cao đẳng, trung cấp.

Cách chọn bài thi/môn thi thành phần: Thí sinh đăng ký dự thi bài thi/môn thi thành phần nào thì đánh dấu (X) vào ô bài thi/môn thi thành phần tương ứng, riêng đối với bài thi Ngoại ngữ thí sinh điền mã số tương ứng với ngôn ngữ cụ thể như sau: N1 – Tiếng Anh; N2 – Tiếng Nga; N3 – Tiếng Pháp; N4 – Tiếng Trung Quốc; N5 – Tiếng Đức; N6 – Tiếng Nhật.

Mục 15: Đối với thí sinh xin miễn thi ngoại ngữ, cần ghi rõ loại chứng chỉ đủ điều kiện miễn thi hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT. Đối với loại chứng chỉ có ghi điểm thi (điểm toàn bài thi), thí sinh phải ghi điểm vào ô “**Điểm thi**”,

Ví dụ:

15. Đăng ký miễn thi ngoại ngữ: (Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi): TOEFL ITP

Điểm thi (Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm vào ô này):

450

Mục 16: Thí sinh đã dự thi THPT năm trước, nếu có những bài thi/môn thi đủ điều kiện bảo lưu theo quy định, thí sinh muốn bảo lưu điểm của bài thi/môn thi nào thì ghi điểm bài thi/môn thi đó vào ô tương ứng (Lưu ý: Đối với bài thi tổ hợp, thí sinh được quyền bảo lưu kết quả của từng môn thi thành phần nếu đủ điều kiện, để bảo lưu điểm toàn bài của bài thi tổ hợp nào, thí sinh phải ghi điểm của tất cả các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp đó). Đối với những bài thi/môn thi được bảo lưu, thí sinh vẫn có thể đăng ký dự thi (bài thi hoặc môn thi thành phần) ở **Mục 14** nếu có nguyện vọng sử dụng kết quả thi xét tuyển sinh đại học, cao đẳng, trung cấp.

Mục 17: Thí sinh tự xác định đối tượng ưu tiên, ghi đúng ký hiệu các đối tượng ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hoặc văn bản hướng dẫn. Nếu khai thiếu trung thực sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành. Thí sinh thuộc diện ưu tiên phải nộp đủ giấy tờ minh chứng hợp pháp cho trường khi đến nhập học.

Mục 18: Đối với thí sinh dự thi có mục đích xét tuyển ĐH, CĐ, TC cần ghi mã khu vực vào ô trống như sau: Khu vực 1 (KV1) điền chữ số 1, Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) điền 2NT, Khu vực 2 (KV2) điền chữ số 2, Khu vực 3 (KV3) điền chữ số 3. Trong 3 năm học THPT hoặc tương đương, học ở đâu lâu hơn hưởng ưu tiên khu vực ở đó. Nếu mỗi năm học một trường có mức ưu tiên khu vực khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp THPT ở đâu hưởng ưu tiên khu vực tại đó. Đối với thí sinh được ưu tiên theo hộ khẩu thường trú, căn cứ vào quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy và hướng dẫn của Bộ GDĐT để ghi cho đúng khu vực ưu tiên được hưởng. Phần mềm đăng ký dự thi sẽ tự động xác định mức hưởng ưu tiên khu vực theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy khi thí sinh khai đầy đủ Mục 5 và Mục 6; nếu thấy khác với thông tin khai trên phiếu ĐKDT, thí sinh cần kiểm tra lại thông tin đã khai tại các mục này.

Mục 19: Ghi theo hướng dẫn trên phiếu ĐKDT.

Mục 20: Đối với thí sinh thi với mục đích lấy kết quả để xét học liên thông lên cao đẳng, đại học cần đánh dấu (X) vào ô đã tốt nghiệp ở bậc học nào tương ứng: Đã tốt nghiệp trung cấp (TC) hoặc Đã tốt nghiệp cao đẳng (CĐ).

Mục 21: Mục này dành cho thí sinh có nguyện vọng xét tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng, trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên. Để ghi thông tin ở

mục này, thí sinh cần tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của trường có nguyện vọng học được đăng tải trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và trang thông tin của các trường để có thông tin đăng ký chính xác về mã trường, mã ngành/nhóm ngành, tên ngành/nhóm ngành, tổ hợp môn xét tuyển. Thí sinh đăng ký nguyện vọng nào không đúng với quy định của các trường thì nguyện vọng đó sẽ không được nhập vào hệ thống phần mềm để trường xét tuyển.

Lưu ý:

- *Thí sinh phải ghi đầy đủ, rõ ràng, sạch sẽ vào các mục theo yêu cầu và không sửa chữa, tẩy xóa.*
- *Nếu là số, ghi bằng chữ số Ả rập (0, 1, 2, 3,...), không ghi bằng chữ số La mã (I, V, X,...).*